SAO Y; Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND TP Hà Nội
Giờ ký: 13/10/2025 10:28:50

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 464/NQ-HĐND	*Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2025*

NGHỊ QUYẾT
Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2025; cập nhật, điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công 5 năm 2021-2025 cấp Thành phố

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 26

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Thủ đô ngày 28 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đấu thầu, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, luật hải quan, luật thuế giá trị gia tăng, luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, luật đầu tư, luật đầu tư công, luật quản lý; sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán, luật kế toán, luật kiểm toán độc lập, luật ngân sách nhà nước, luật quản lý, sử dụng tài sản công, luật quản lý thuế, luật thuế thu nhập cá nhân, luật dự trữ quốc gia, luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 09 năm 2025 của Chính phủ quy định quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố: số 56/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 về cập nhật, điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 cấp Thành phố; số 53/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp Thành phố năm 2025; số 29/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2025 về cập nhật, điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công 5 năm 2021-2025, điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2025 cấp Thành phố; số 423/NQ-HĐND ngày 27/6/2025 về điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp Thành phố Hà Nội năm 2025 khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính sác cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân Thành phố tại: Tờ trình số 303/TTr-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2025; Báo cáo số 338/BC-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2025; Báo cáo giải trình số 377/BC-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2025 về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2025 và cập nhật, điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công 5 năm 2021-2025 cấp Thành phố;

Xét Báo cáo thẩm tra số 136/BC-HĐND ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt cập nhật, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công 5 năm 2021-2025 và điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2025 tại các Phụ lục 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9,10 kèm theo.

Điều 2. Hội đồng nhân dân Thành phố thống nhất:

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Bổ sung danh mục, mức vốn kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn, năm 2025 đối với các dự án quan trọng, trọng điểm, khẩn cấp, cấp thiết của Thành phố và các dự án thuộc danh mục Kế hoạch đầu tư công trung hạn thuộc Nghị quyết 423/NQ-HĐND ngày 27/6/2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố gồm: Các dự án chuyển tiếp đủ điều kiện bố trí vốn theo quy định để đẩy nhanh tiến độ triển khai, hoàn thành và các dự án mới cấp thiết do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định, có khả năng triển khai ngay để đảm bảo phân bổ, giải ngân hết kế hoạch vốn đã giao;

b) Bổ sung thêm tổng nguồn kế hoạch đầu tư công năm 2025, kế hoạch đầu tư công 5 năm 2021-2025 từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2024 được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1568/QĐ-TTg ngày 19/7/2025 trong trường hợp kế hoạch vốn linh hoạt bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất năm 2025 được sử dụng hết, các nhiệm vụ, dự án được bổ sung đảm bảo giải ngân hết kế hoạch vốn giao bổ sung; thực hiện phân bổ, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công hàng năm, trung hạn đảm bảo theo quy định pháp luật, trong đó ưu tiên bố trí vốn cho các dự án trong trung hạn có khả năng triển khai, hấp thụ kế hoạch vốn, đặc biệt các dự án quan trọng, trọng điểm, khẩn cấp, cấp thiết của Thành phố; bổ sung kế hoạch vốn cho một số nhiệm vụ chi đầu tư phát triển khác như: bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ đầu tư mạo hiểm thành phố Hà Nội, mua nhà ở thương mại để làm nhà ở phục vụ tái định cư theo quy định pháp luật khi đủ điều kiện thực hiện.

c) Quyết định điều chỉnh dự toán chi đầu tư công ngân sách cấp Thành phố *(bao gồm ngân sách Thành phố hỗ trợ mục tiêu)* giữa các lĩnh vực, đơn vị trong năm 2025 đảm bảo không vượt quá tổng kế hoạch đầu tư công năm 2025 cấp Thành phố.

d) Phân bổ chi tiết kinh phí hỗ trợ địa phương bạn còn lại chưa phân bổ chi tiết để hỗ trợ các địa phương bạn *(như: Lai Châu, Cao Bằng và địa phương khác nếu có)* khi có chủ trương hỗ trợ của Ban Thường vụ Thành uỷ, đề xuất của các địa phương bạn.

đ) Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố phương án cập nhật tổng thể Kế hoạch trung hạn 5 năm 2021-2025 và Kế hoạch đầu tư công năm 2025 tại kỳ họp cuối năm 2025.

2. Thông qua cơ chế thanh toán linh hoạt đối với công tác chuẩn bị đầu tư đối với các dự án đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư và đã được cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư và giao Ủy ban nhân dân Thành phố quy định chi tiết việc thanh toán, quy trình bố trí vốn và giải ngân. Việc giao nhiệm vụ và bố trí vốn cho công tác chuẩn bị đầu tư xem xét trong tổng thể khả năng cân đối nguồn vốn của kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2026 – 2030 đảm bảo không dàn trải, tránh lãng phí.

Điều 3. Chấp thuận chủ trương Ngân sách Thành phố hỗ trợ Viện Kiểm sát nhân dân tối cao thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Trường Đại học Kiểm sát - Cơ sở chính tại Hà Nội. Nguồn vốn hỗ trợ từ nguồn Kế hoạch đầu tư công 5 năm 2026-2030 cấp Thành phố. Ngân sách Thành phố hỗ trợ 50% tổng mức đầu tư được xác định trên cơ sở quyết định phê duyệt Dự án và hoàn thiện thủ tục đầu tư theo quy định, không quá 800 tỷ đồng. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao triển khai toàn bộ thủ tục đầu tư của dự án theo quy định của pháp luật hiện hành, bố trí kinh phí chuẩn bị đầu tư của Dự án theo quy định hiện hành. Sau khi dự án Cơ sở mới Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội hoàn thành đưa vào sử dụng, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội báo cáo Bộ Tài chính để sắp xếp chuyển giao cơ sở nhà đất hiện nay của Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội tại phường Dương Nội, Quận Hà Đông (diện tích đất 1,176 ha và các hạng mục nhà trên đất) về Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quản lý, xử lý theo quy định của Luật quản lý sử dụng tài sản công.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết. Đồng thời lưu ý thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp:

a) Tiếp tục tăng cường kỷ luật kỷ cương trách nhiệm thực hiện dự án theo tiến độ, giải ngân Kế hoạch vốn đã giao, đặc biệt là các công trình trọng điểm, công trình quan trọng của Thành phố.

b) Báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố phương án cập nhật tổng thể kế hoạch trung hạn 5 năm 2021-2025 và Kế hoạch 2025 tại kỳ họp gần nhất hoặc kỳ

họp cuối năm, trong đó tiếp tục chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ đã giao tại Nghị quyết số 423/NQ-HĐND ngày 27/6/2025 như sau:

- Rà soát danh mục các dự án của các xã, phường mới, xác định phương án đình, giãn, hoãn, dừng triển khai với các dự án chưa thực sự cấp thiết, chưa đảm bảo nguồn cân đối để thực hiện hoàn thành, đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công năm 2024 và Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số Luật (trong đó có Luật Đầu tư công).

- Rà soát, xử lý đối với các dự án trụ sở và các dự án chịu ảnh hưởng khi thực hiện tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp có bố trí kế hoạch vốn năm 2025.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố phối hợp tuyên truyền, tham gia giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVI, Kỳ họp thứ 26 thông qua ngày 29 tháng 9 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các nội dung không điều chỉnh tại Nghị quyết này vẫn thực hiện theo các Nghị quyết đã có của Hội đồng nhân dân Thành phố về Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm và Kế hoạch đầu tư công năm 2025./.

Nơi nhận:
- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ, ngành Trung ương;
- Thường trực Thành ủy Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ Thành phố;
- Đoàn ĐBQH TP Hà Nội;
- Đảng ủy các cơ quan Đảng Thành phố;
- Đảng ủy UBND Thành phố;
- Các vị đại biểu HĐND Thành phố;
- VP Thành ủy, các Ban Đảng Thành ủy;
- Các Ban của HĐND Thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND, VP UBND Thành phố;
- Các Sở, ban, ngành thuộc Thành phố;
- TT HĐND, UBND các xã, phường thuộc Thành phố;
- Trang TTĐT của Đoàn ĐBQH&HĐND Thành phố;
- Trung tâm TT, DL và CNS TP Hà Nội;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Ngọc Tuấn

Danh mục Phụ lục

(Kèm theo Nghị quyết số 464/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

TT	Tên tài liệu
1	Phụ lục 1: Biểu tổng hợp cập nhật, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công 5 năm 2021-2025, Kế hoạch đầu tư công năm 2025 của Thành phố.
2	Phụ lục 2: Điều chỉnh kế hoạch vốn dự án ghi thu, ghi chi nguồn tiền sử dụng đất đối ứng các dự án BT năm 2025
3	Phụ lục 3: Danh mục dự án ghi thu, ghi chi nguồn tiền sử dụng đất đối ứng năm 2025
4	Phụ lục 4: Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công 5 năm 2021-2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2025 các dự án cấp Thành phố
5	Phụ lục 5: Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công 5 năm 2021-2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2025 các dự án có sử dụng vốn ODA cấp Thành phố
6	Phụ lục 6: Mật
7	Phụ lục 7: Mật
8	Phụ lục 8: Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công 5 năm 2021-2025, kế hoạch đầu tư công năm 2025 ngân sách Thành phố (lĩnh vực tòa án)
9	Phụ lục 9: Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công 5 năm 2021-2025, kế hoạch đầu tư công năm 2025 ngân sách Thành phố (lĩnh vực kiểm sát)
10	Phụ lục 10: Cập nhật điều chỉnh kế hoạch hỗ trợ các địa phương trong nước năm 2025

Phụ lục 1

BIỂU TỔNG HỢP CẬP NHẬT, ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG 5 NĂM 2021-2025, KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 CỦA THÀNH PHỐ

(Kèm theo Nghị quyết số 464/NQ-HĐND ngày 29/9/2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025					Kế hoạch vốn năm 2025					Ghi chú
		Tổng điều chỉnh	Điều chỉnh giảm		Điều chỉnh tăng		Tổng điều chỉnh	Điều chỉnh giảm		Điều chỉnh tăng		
			Số DA	Kinh phí	Số DA	Kinh phí		Số DA	Kinh phí	Số DA	Kinh phí	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
	TỔNG CỘNG	**3.797.669**	**12**	**-1.097.768**	**16**	**4.895.437**	**4.797.669**	**11**	**-530.984**	**16**	**5.328.653**	
I	**Vốn thanh toán linh hoạt**	**350.000**		**-61.000**		**411.000**	**992.080**		**-61.000**	**1**	**1.053.080**	
-	Bố trí nguồn vốn chuẩn bị đầu tư	350.000				350.000	350.000				350.000	
-	Bố trí nguồn vốn bồi thường, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất						425.568				425.568	
-	Ghi thu ghi chi nguồn tiền sử dụng đất đối ứng các dự án BT đang triển khai	-61.000		-61.000			-61.000		-61.000			Phụ lục số 2
-	Ghi thu ghi chi nguồn tiền sử dụng đất đối ứng	61.000				61.000	61.000				61.000	Phụ lục số 3
-	Hỗ trợ địa phương bạn						216.512			1	216.512	Phụ lục số 10
II	**Vốn phân bổ thực hiện dự án đầu tư công cấp Thành phố trước sắp xếp**	**3.822.877**	**12**	**-661.560**	**16**	**4.484.437**	**3.805.589**	**11**	**-469.984**	**15**	**4.275.573**	
	Trong đó:											
-	Các dự án XDCB tập trung cấp Thành phố	3.205.000	2	-185.000	8	3.390.000	3.145.585			7	3.145.585	Phụ lục số 4
-	Các dự án sử dụng vốn ODA	426.221	1	-123.404	3	549.625	461.721	1	-123.404	3	585.125	Phụ lục số 5
	+ ODA vay lại			-39.000		39.000			-39.000		39.000	
	+ Ngân sách cấp Thành phố	426.221		-84.404		510.625	461.721		-84.404		546.125	
-	Các dự án hỗ trợ ngành dọc	191.656	9	-353.156	5	544.812	198.283	10	-346.580	5	544.863	
	+ Lĩnh vực Quốc phòng	6.646	1	-70.000	3	76.646	6.646	1	-70.000	3	76.646	Phụ lục số 6 (chế độ mật)
	+ Lĩnh vực An ninh	468.166			2	468.166	462.463	1	-5.754	2	468.217	Phụ lục số 7 (chế độ mật)
	+ Lĩnh vực Tòa án	-223.560	5	-223.560			-211.230	5	-211.230			Phụ lục số 8
	+ Lĩnh vực Kiểm sát	-59.596	3	-59.596			-59.596	3	-59.596			Phụ lục số 9
III	**Thanh quyết toán dự án hoàn thành, lập thiết kế, dự toán, lập quy hoạch, nhiệm vụ đầu tư phát triển khác; Hoàn trả Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố; Chưa phân bổ chi tiết cho các chương trình, dự án**	**-375.208**		**-375.208**								
	Trong đó, nguồn chưa phân bổ chi tiết kế hoạch trung hạn 5 năm 2021-2025	-375.208		-375.208								

Phụ lục 2

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN DỰ ÁN GHI THU, GHI CHI NGUỒN TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐỐI ỨNG CÁC DỰ ÁN BT NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 464/NQ-HĐND ngày 29/9/2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số DA	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Kế hoạch năm 2025 đã giao	Kế hoạch điều chỉnh	Kế hoạch sau điều chỉnh	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
1	Dự án Xây dựng đường Vành đai 2: Đoạn Vĩnh Tuy Ngã Tư Sở (ghép với đoạn dưới thấp Vĩnh Tuy - Chợ Mơ - Ngã Tư Vọng)	1	Tập đoàn Vingroup - Công ty CP	Quý 2/2016-quý I/2023	2.300.000	-61.000	2.239.000	Đề xuất giảm do Kế hoạch 2025 còn thừa, số tiền ghi thu tiền sử dụng đất 1.829.913trđ

Phụ lục 3

DANH MỤC DỰ ÁN GHI THU, GHI CHI NGUỒN TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐỐI ỨNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 464/NQ-HĐND ngày 29/9/2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số DA	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Giá trị HĐ, giá trị phê duyệt QT	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*
1	Dự án Xây dựng tuyến đường 30m và tuyến đường 21,5m tiếp giáp Khu đô thị mới Cổ Nhuế - Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm	1	Công ty đầu tư xây dựng số 2	04/01/2016 - 31/3/2018	61.000	61.000	

Phụ lục số 4

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG 5 NĂM 2021 - 2025 VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 CÁC DỰ ÁN CẤP THÀNH PHỐ

(Kèm theo Nghị quyết số 464/NQ-HĐND ngày 29/9/2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2024	KHV giai đoạn 2021-2024	Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025				KHV năm 2024 kéo dài sang năm 2025	KHV năm 2025 đã bố trí	Kế hoạch vốn năm 2025			DA hoàn thành 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			KHV đã duyệt	Đã phê duyệt Quyết định tại 4905/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của UBND TP	Điều chỉnh (tăng/giảm)	KHV sau điều chỉnh			Đã phê duyệt Quyết định tại 4905/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của UBND TP	Điều chỉnh (tăng/giảm)	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*
	TỔNG SỐ	**10**					**2.272.239**	**2.277.000**	**6.118.362**	**3.392.500**	**3.205.000**	**12.715.862**		**2.386.000**	**3.094.415**	**3.145.585**	**8.626.000**			
	Tổng điều chỉnh giảm										***-185.000***									
	Tổng điều chỉnh tăng										***3.390.000***					***3.145.585***				
A	**NGUỒN TẬP TRUNG CẤP THÀNH PHỐ**	**10**				**72.959.956**	**2.272.239**	**2.277.000**	**6.118.362**	**3.392.500**	**3.205.000**	**12.715.862**		**2.386.000**	**3.094.415**	**3.145.585**	**8.626.000**			
I	**DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG CẤP THÀNH PHỐ DO CÁC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN THÀNH PHỐ VÀ CẤP HUYỆN THỰC HIỆN TRƯỚC SẮP XẾP**	**10**				**72.959.956**	**2.272.239**	**2.277.000**	**6.118.362**	**3.392.500**	**3.205.000**	**12.715.862**		**2.386.000**	**3.094.415**	**3.145.585**	**8.626.000**			
I.1	**Lĩnh vực giao thông**	**10**				**72.959.956**	**2.272.239**	**2.277.000**	**6.118.362**	**3.392.500**	**3.205.000**	**12.715.862**		**2.386.000**	**3.094.415**	**3.145.585**	**8.626.000**			
a	**Dự án chuyển tiếp**	**3**				**11.395.902**	**2.272.239**	**2.277.000**	**4.547.362**		**-65.000**	**4.482.362**		**1.461.000**		**615.000**	**2.076.000**			
1	Công trình trọng điểm 2021-2025 Vành đai 4: Đầu tư xây dựng đường vành đai 4 - Vùng Thủ đô	1			NQ số 65/2022/QH15 ngày 16/6/2022	5.388.000	2.140.000	2.140.000	3.140.000		-100.000	3.040.000		650.000		250.000	900.000			
	Dự án thành phần 2.1: Xây dựng đường song hành (đường đô thị) địa phận thành phố Hà Nội		*Xã Kim Anh, Xã Nội Bài, Xã Mê Linh, Xã Quang Minh, Xã Tiền Thắng, Xã Ô Diên, Xã Đan Phượng, Xã Hoài Đức, Xã Dương Hoà, Xã Sơn Đồng, Xã An Khánh, Phường Yên Nghĩa, Phường Phú Lương, Xã Bình Minh, Xã Tam Hưng, Xã Thường Tín, Xã Hồng Vân.*	*2022-2027*	*DA: số 1072/QĐ-UBND ngày 20/02/2023; số 624/QĐ-UBND ngày 07/02/2024*	*5.388.000*	2.140.000	*2.140.000*	3.140.000		-100.000	3.040.000		650.000		250.000	900.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
2	Công trình trọng điểm 2021-2025: Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Mỹ Đình - Ba Sao - Bái Đính (đoạn nối từ đường trục phía Nam đến đường Hương Sơn - Tam Chúc), huyện Mỹ Đức, huyện Ứng Hòa	1	*Ứng Hòa, Mỹ Đức*		số 29/NQ-HĐND ngày 10/12/2022; số 28/NQ-HĐND ngày 22/9/2023	2.563.926	123.000	123.000	977.362		-85.000	892.362		525.000		115.000	640.000			
2.1	*Dự án thành phần 1.1: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn huyện Ứng Hòa*		*Ứng Hòa*	*2024-2025*	*DA: số 2963/QĐ-UBND ngày 07/6/2024*	*289.362*	60.000	*60.000*	289.362			289.362		185.000			185.000		UBND xã Ứng Hòa	
2.2	*Dự án thành phần 1.2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn huyện Mỹ Đức*		*Mỹ Đức*	*2024-2025*	*DA: số 2964/QĐ-UBND ngày 07/6/2024*	*194.208*	40.000	*40.000*	165.000			165.000		40.000			40.000		UBND xã Hương Sơn	
2.3	*Dự án Thành phần 2: Đầu tư xây dựng tuyến đường Mỹ Đình - Ba Sao - Bái Đính (đoạn nối từ đường trục phía Nam đến đường Hương Sơn - Tam Trúc), huyện Mỹ Đức, huyện Ứng Hòa*		*Ứng Hòa, Mỹ Đức*	*2023-quý IV/2027*	*DA: số 5730/QĐ-UBND ngày 09/11/2023; số 5505/QĐ-UBND ngày 21/10/2024*	*2.080.356*	23.000	*23.000*	523.000		-85.000	438.000		300.000		115.000	415.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
3	Công trình trọng điểm 2021-2025: Dự án đầu tư xây dựng cầu Văn Phúc qua sông Hồng và tuyến đường kết nối ra Quốc lộ 32 huyện Phúc Thọ	1	*Xã Phúc Thọ và xã Phúc Lộc*	2022-2027	số 29/NQ-HĐND ngày 10/12/2022; số 3285/QĐ-UBND ngày 25/6/2024	3.443.976	9.239	*14.000*	430.000		120.000	550.000		286.000		250.000	536.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
b	**Dự án khởi công mới**	**7**				**61.564.054**			**1.571.000**	**3.392.500**	**3.270.000**	**8.233.500**		**925.000**	**3.094.415**	**2.530.585**	**6.550.000**			
1	Công trình trọng điểm 2021-2025: Dự án đầu tư xây dựng cầu Tứ Liên và đường hai đầu cầu (từ nút giao với đường Nghi Tàm đến nút giao với đường Trường Sa)	1	*Tây Hồ, Long Biên, Đông Anh*	2025-2027	10/NQ-HĐND ngày 25/02/2025	18.779.663			900.000	1.640.000	880.000	3.420.000		800.000	1.400.000		2.200.000			
1.1	Dự án TP1.1: GPMB trên địa bàn Tây Hồ				Số 2422/QĐ-UBND 14/5/2025	2.907.812			40.000	120.000	880.000	1.040.000							UBND phường Hồng Hà	
1.2	Dự án TP1.2: GPMB trên địa bàn Long Biên				Số 2651/QĐ-UBND ngày 26/5/2025	332.026			10.000	90.000		100.000							UBND phường Bồ Đề	

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2024	KHV giai đoạn 2021-2024	Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025				KHV năm 2024 kéo dài sang năm 2025	KHV năm 2025 đã bố trí	Kế hoạch vốn năm 2025			DA hoàn thành 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			KHV đã duyệt	Đã phê duyệt Quyết định tại 4905/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của UBND TP	Điều chỉnh (tăng/giảm)	KHV sau điều chỉnh			Đã phê duyệt Quyết định tại 4905/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của UBND TP	Điều chỉnh (tăng/giảm)	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh			
1.3	Dự án TP1.3: GPMB trên địa bàn Đông Anh				Số 2752/QĐ-UBND ngày 02/6/2025	41.706			10.000	30.000		40.000							UBND xã Đông Anh	
1.4	Dự án TP2: Đầu tư xây dựng cầu Tứ Liên và đường hai đầu cầu (từ nút giao với đường Nghi Tàm đến nút giao với đường Trường Sa)				Số 1850/QĐ-UBND ngày 01/4/2025	15.498.119			840.000	1.400.000		2.240.000		800.000	1.400.000		2.200.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố	
2	Dự án đầu tư xây dựng đường kết nối cầu Tứ Liên từ nút giao cầu Tứ Liên với đường Trường Sa đến đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên	1	*Đông Anh*	2025-2028	28/NQ-HĐND ngày 29/4/2025, 4110/QĐ-UBND ngày 04/8/2025	4.966.216			12.500		600.000	612.500		2.500		*600.000*	*602.500*		UBND xã Đông Anh	
3	Dự án trọng điểm 2021-2025: Dự án đầu tư xây dựng Cầu Trần Hưng Đạo	1				15.534.331			90.000	95.000		185.000				10.000	10.000			
3.1	*Dự án TP1.1: GPMB trên địa bàn Hoàn Kiếm*		*Hồng Hà*	2025-2027	10/NQ-HĐND ngày 25/02/2025	5.667.761			35.000	15.000		50.000							UBND phường Hồng Hà	
3.2	*Dự án TP1.2: GPMB trên địa bàn Hai Bà Trưng*		*Hồng Hà*	2025-2027	10/NQ-HĐND ngày 25/02/2025	711.591			5.000	45.000		50.000							UBND phường Hồng Hà	
3.3	*Dự án TP1.3: GPMB trên địa bàn Long Biên*		*Long Biên*	2025-2027	10/NQ-HĐND ngày 25/02/2025	1.605.814			15.000	35.000		50.000							UBND phường Bồ Đề	
3.4	*Dự án TP2: Đầu tư xây dựng cầu Trần Hưng Đạo*		*Hồng Hà, Long Biên*	2025-2027	10/NQ-HĐND ngày 25/02/2025, 3213/QĐ-UBND ngày 26/6/2025	7.549.165			35.000			35.000				10.000	10.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố	
4	Dự án xây dựng cầu Ngọc Hồi và đường dẫn 02 đầu cầu	1	Thanh Trì, Gia Lâm; Văn Giang - Hưng Yên	2025-2028	NQ số 27/NQ-HĐND 29/4/2025	11.648.974			180.000	1.630.000		1.810.000		122.500	1.670.000		1.792.500			
4.1	*Dự án TP 1.1: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện giải phóng mặt bằng trên địa bàn huyện Thanh Trì*		*Thanh Trì*			267.000			7.500			7.500							UBND xã Thanh Trì	
4.2	*Dự án TP 1.2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện giải phóng mặt bằng trên địa bàn huyện Gia Lâm*		*Gia Lâm*		3944/QĐ-UBND 25/07/2025	321.974			122.500			122.500		122.500			*122.500*		UBND xã Bát Tràng	
4.3	*Dự án TP 2: Đầu tư xây dựng hệ thống đường song hành trên địa phận thành phố Hà Nội và địa phận tỉnh Hưng Yên*		*Hà Nội, Hưng Yên*			862.000			10.000			10.000							Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố	
4.4	*Dự án TP 3: Dự án đầu tư xây dựng cầu Ngọc Hồi và đường dẫn hai đầu cầu*		*Hà Nội, Hưng Yên*		2878/QĐ-UBND 10/6/2025	10.198.000			40.000	1.630.000		1.670.000			1.670.000		1.670.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố	
5	Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng của dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối sân bay Gia Bình về Thủ đô Hà Nội (đoạn trên địa bàn thành phố Hà Nội)	1	Đông Anh, Gia Lâm	2025-2026	số 428/NQ-HĐND ngày 27/6/2025	7.619.378			200.000		50.000	250.000								
5.1	*Dự án TP1: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc địa phận huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội*		*Gia Lâm*			6.420.704			150.000			150.000							UBND xã Phù Đổng	
5.2	*Dự án TP2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc địa phận huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội*		*Đông Anh*			1.198.674			50.000		50.000	100.000							UBND xã Đông Anh	
6	Dự án Cải tạo, mở rộng, chỉnh trang quảng trường Đông Kinh Nghĩa Thục, quận Hoàn Kiếm	1	Hoàn Kiếm		2419/QĐ-UBND ngày 14/5/2025; 1231/QĐ-SXD ngày 10/6/2025	66.439			38.500	27.500		66.000			24.415	30.585	55.000		UBND phường Hoàn Kiếm	

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2024	KHV giai đoạn 2021-2024	Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025				KHV năm 2024 kéo dài sang năm 2025	KHV năm 2025 đã bố trí	Kế hoạch vốn năm 2025			DA hoàn thành 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			KHV đã duyệt	Đã phê duyệt Quyết định tại 4905/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của UBND TP	Điều chỉnh (tăng/giảm)	KHV sau điều chỉnh			Đã phê duyệt Quyết định tại 4905/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của UBND TP	Điều chỉnh (tăng/giảm)	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh			
7	Cải tạo không gian khu vực TOD phía Đông hồ Hoàn Kiếm	I	Hoàn Kiếm		NQ 188/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của QH	2.949.053			150.000		1.740.000	1.890.000				1.890.000	1.890.000			
7.1	*Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư*		*Hoàn Kiếm*			2.840.763			150.000		1.650.000	1.800.000				*1.800.000*	*1.800.000*		UBND phường Hoàn Kiếm	
7.2	*Dự án Đầu tư Xây dựng phần kỳ 1 (Quảng trường)*		*Hoàn Kiếm*		2012/QĐ-UBND ngày 21/8/2025	108.290					90.000	90.000				*90.000*	*90.000*		UBND phường Hoàn Kiếm	
7.3	*Đầu tư Xây dựng phần kỳ 2 (phần ngầm)*		*Hoàn Kiếm*																UBND phường Hoàn Kiếm	

Phụ lục số 5

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG 5 NĂM 2021 - 2025 VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025
CÁC DỰ ÁN CÓ SỬ DỤNG VỐN ODA CẤP THÀNH PHỐ

(Kèm theo Nghị quyết số 464/NQ-HĐND ngày 29/9/2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2024	KHV giai đoạn 2021-2024	Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			DA hoàn thành 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			KHV đã duyệt	Điều chỉnh (tăng/giảm)	KHV sau điều chỉnh	KHV năm 2025 đã bố trí	Điều chỉnh tăng/giảm	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*
	TỔNG SỐ	**4**				**81.953.041**	**15.913.565**	**8.308.047**	**9.796.500**	**426.221**	**10.222.721**	**1.493.953**	**461.721**	**1.955.674**			
	Tổng điều chỉnh giảm						***4.929.574***	***2.426.660***	***3.136.313***	***-123.404***	***3.012.909***	***750.653***	***-123.404***	***627.249***			
	Tổng điều chỉnh tăng						***10.983.991***	***5.881.387***	***6.660.187***	***549.625***	***7.209.812***	***743.300***	***585.125***	***1.328.425***			
	Theo nguồn vốn:																
	- Vốn nước ngoài (ODA)					*32.719.498*	*14.572.354*	*10.783.705*	*22.904.992*		*22.904.992*	*2.000.234*		*2.000.234*			
	- Vốn nước ngoài (ODA vay lại)					*29.405.669*	*10.124.344*	*5.399.887*	*5.799.187*		*5.799.187*	*399.300*		*399.300*			
	+ Tăng					*12.492.629*	*10.124.344*	*5.399.887*	*5.760.187*	*39.000*	*5.799.187*	*360.300*	*39.000*	*399.300*			
	+ Giảm					*16.913.040*			*39.000*	*-39.000*		*39.000*	*-39.000*				
	- Vốn ngân sách Thành phố trong nước					*19.827.874*	*5.789.221*	*2.908.160*	*3.997.313*	*426.221*	*4.423.534*	*1.094.653*	*461.721*	*1.556.374*			
	+ Tăng					*3.818.864*	*859.647*	*481.500*	*900.000*	*510.625*	*1.410.625*	*383.000*	*546.125*	*929.125*			
	+ Giảm					*16.009.010*	*4.929.574*	*2.426.660*	*3.097.313*	*-84.404*	*3.012.909*	*711.653*	*-84.404*	*627.249*			
A	**NGUỒN TẬP TRUNG CẤP THÀNH PHỐ**	**4**				**81.953.041**	**30.485.919**	**19.091.752**	**32.701.492**	**426.221**	**33.127.713**	**3.494.187**	**461.721**	**3.955.908**			
I	**DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG CẤP THÀNH PHỐ DO CÁC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN THÀNH PHỐ VÀ CẤP HUYỆN THỰC HIỆN TRƯỚC SẮP XẾP**	**4**				**81.953.041**	**30.485.919**	**19.091.752**	**32.701.492**	**426.221**	**33.127.713**	**3.494.187**	**461.721**	**3.955.908**			
I.1	**Lĩnh vực môi trường**	**1**				**11.196.850**	**5.691.224**	**3.662.253**	**5.900.000**	**510.625**	**6.410.625**	**1.383.000**	**546.125**	**1.929.125**			
a	**Dự án chuyển tiếp**	**1**				**11.196.850**	**5.691.224**	**3.662.253**	**5.900.000**	**510.625**	**6.410.625**	**1.383.000**	**546.125**	**1.929.125**			
1	Công trình trọng điểm giai đoạn 2016-2020: Dự án Hệ thống xử lý nước thải Yên Xá thành phố Hà Nội	1	Thanh Trì	2013-2027	7051/QĐ-UBND 20/11/2013 7574/QĐ-UBND 31/10/2017 4855/QĐ-UBND 05/12/2022 2695/QĐ-UBND 28/5/2025	11.196.850	5.691.224	3.662.253	5.900.000	510.625	6.410.625	1.383.000	546.125	1.929.125		Ban QLDA ĐTXD CT HTKT và Nông nghiệp	
	Vốn nước ngoài (ODA)					*7.377.986*	4.831.577	3.180.753	5.000.000		5.000.000	1.000.000		1.000.000			
	Vốn nước ngoài (ODA vay lại)																
	Vốn ngân sách Thành phố trong nước					*3.818.864*	859.647	481.500	900.000	510.625	1.410.625	383.000	546.125	929.125			
b	**Dự án khởi công mới**																
I.2	**Lĩnh vực giao thông**	**3**				70.756.191	24.794.695	15.429.499	26.801.492	-84.404	26.717.088	2.111.187	-84.404	2.026.783			
a	**Dự án chuyển tiếp**	**3**				70.756.191	24.794.695	15.429.499	26.801.492	-84.404	26.717.088	2.111.187	-84.404	2.026.783			

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2024	KHV giai đoạn 2021-2024	Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			DA hoàn thành 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			KHV đã duyệt	Điều chỉnh (tăng/giảm)	KHV sau điều chỉnh	KHV năm 2025 đã bố trí	Điều chỉnh tăng/giảm	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*
1	Công trình trọng điểm giai đoạn 2021-2025: Dự án Xây dựng tuyến đường sắt đô thị thí điểm TP Hà Nội, đoạn Nhổn - Ga Hà Nội	1	Hà Nội	2008-2027	1970/QĐ-UBND 27/4/2009; 5456/QĐ-UBND 02/11/2010; 4007/QĐ-UBND 28/6/2013; 2186/QĐ-TTg 05/12/2014; 4036/QĐ-UBND 26/7/2019; 588/QĐ-TTG 30/5/2023; 3785/QĐ-UBND 25/7/2023	34.826.049	23.883.693	14.406.095	15.377.954	7.923	15.385.877	1.256.546	7.923	1.264.469		Ban QLĐS Đô thị	
	Vốn nước ngoài (ODA)					*12.289.410*	*9.121.686*	*6.762.294*	*6.907.607*		6.907.607	*430.000*		430.000			
	Vốn nước ngoài (ODA vay lại)					*12.492.629*	*10.124.344*	*5.399.887*	*5.760.187*	39.000	5.799.187	*360.300*	39.000	399.300			
	Vốn ngân sách Thành phố trong nước					*10.044.010*	*4.637.663*	*2.243.914*	*2.710.160*	-31.077	2.679.083	*466.246*	-31.077	435.169			
2	Dự án Tuyến đường sắt đô thị TPHN (tuyến 2) đoạn Nam Thăng Long - Trần Hưng Đạo	1	Hà Nội	2008-2031	số 1578/QĐ-TTg ngày 16/12/2024	35.588.000	910.692	1.003.737	11.144.954	-88.397	11.056.557	813.201	-88.397	724.804		Ban QLĐS Đô thị	
	Vốn nước ngoài (ODA)					*12.758.960*	*619.091*	*821.492*	*10.723.508*		10.723.508	533.000		533.000			
	Vốn nước ngoài (ODA vay lại)					*16.913.040*			*39.000*	-39.000		39.000	-39.000				
	Vốn ngân sách Thành phố trong nước					*5.916.000*	*291.601*	*182.245*	*382.446*	-49.397	333.049	241.201	-49.397	191.804			
3	Dự án Hỗ trợ kỹ thuật "Chuẩn bị Dự án đầu tư tuyến đường sắt đô thị số 3, đoạn ga Hà Nội đến Hoàng Mai và Hỗ trợ nghiên cứu xây dựng hệ thống giao thông đô thị tích hợp cho dự án đường sắt đô thị" (vốn không hoàn lại của ADB và EU).	1	Hà Nội	2025-2027	380/QĐ-TTg 23/3/2022 (CTĐT); 14/NQ-HĐND 04/7/2023 (phê duyệt văn kiện); 10/NQ-HĐND 29/3/2024	342.142	310	19.667	278.584	-3.930	274.654	41.440	-3.930	37.510		Ban QLĐS Đô thị	
	Vốn nước ngoài (ODA)					*293.142*		*19.166*	*273.877*		273.877	*37.234*		37.234			
	Vốn ngân sách Thành phố trong nước					*49.000*	*310*	*501*	*4.707*	-3.930	777	*4.206*	-3.930	276			

PHỤ LỤC 8

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG 5 NĂM 2021 - 2025, KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ

Lĩnh vực tòa án

(Kèm theo Nghị quyết số 464/NQ-HĐND ngày 29/9/2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2024	Lũy kế bố trí KHV từ năm 2021-2024	KH ĐTC trung hạn 5 năm 2021-2025			KHV 2024 kéo dài sang năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2025 đã bố trí	Tăng/giảm Kế hoạch vốn năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh	Dự án hoàn thành năm 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			KHV đã duyệt	Điều chỉnh (tăng/giảm)	KHV sau điều chỉnh							
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*18*	*19*	*20*	*21*	
	TỔNG SỐ	**6**				**441.802**	**37.939**	**50.270**	**294.000**	**-223.560**	**70.440**		**243.730**	**-211.230**	**32.500**			
	Tổng điều chỉnh giảm	*6*				*441.802*	*37.939*	*50.270*	*294.000*	*-223.560*	*70.440*		*243.730*	*-211.230*	*32.500*			
	Tổng điều chỉnh tăng																	
A	**NGUỒN TẬP TRUNG CẤP THÀNH PHỐ**	**6**				**441.802**	**37.939**	**50.270**	**294.000**	**-223.560**	**70.440**		**243.730**	**-211.230**	**32.500**			
1	Xây dựng trụ sở làm việc Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức	1	xã Đại Nghĩa, TPHN	2023-2026	152/QĐ-TANDTC-KHTC-05/5/2023; 152/QĐ-TANDTC-KHTC 13/6/2024	65.216	15.000	15.000	57.000	-34.000	23.000		42.000	-34.000	8.000		TAND khu vực 12- Hà Nội	
2	Xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ	1	xã Phúc Thọ, TPHN	2023-2026	153/QĐ-TANDTC-KHTC-05/5/2023; 153/QĐ-TANDTC-KHTC 13/6/2024	53.698	669	13.000	52.000	-50.830	1.170		39.000	-38.500	500		TAND khu vực 9- Hà Nội	
3	Xây dựng trụ sở làm việc Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên	1	xã Phú Xuyên, TPHN	2024-2027	144/QĐ-TANDTC-KHTC-05/5/2023; 425/QĐ-TQNDTC-KHTC 08/11/2024	63.237			30.000	-23.000	7.000		30.000	-23.000	7.000		TAND khu vực 12- Hà Nội	
4	Xây dựng trụ sở làm việc Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất	1	xã Thạch Thất, TPHN	2024-2027	149/QĐ-TANDTC-KHTC-05/5/2023 (CTĐT); 408/QĐ-TANDTC-KHTC 17/10/2024	63.238			30.000	-22.000	8.000		30.000	-22.000	8.000		TAND khu vực 10- Hà Nội	
5	Xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Vì	1	xã Vật Lại, TPHN	2024-2027	145/QĐ-TANDTC-KHTC-05/5/2023; 448/QĐ-TANDTC-KHTC 29/11/2024	79.224			20.000	-20.000			20.000	-20.000			TAND khu vực 9- Hà Nội	
6	Xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm	1	xã Cổ Bi, TPHN	2023-2025	693/HĐND - KTNS 25/12/2017; 29/NQ-HĐND 08/12/2022; 5059/QĐ-UBND 06/10/2023	117.189	22.270	22.270	105.000	-73.730	31.270		82.730	-73.730	9.000		Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng TP HN	

PHỤ LỤC 9

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG 5 NĂM 2021 - 2025, KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ

Lĩnh vực kiểm sát

(Kèm theo Nghị quyết số 464/NQ-HĐND ngày 29/9/2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2024	Lũy kế bố trí KHV từ năm 2021-2024	KH ĐTC trung hạn 5 năm 2021-2025			KHV 2024 kéo dài sang năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2025 đã bố trí	Tăng/giảm Kế hoạch vốn năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh	Dự án hoàn thành năm 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			KHV đã duyệt	Điều chỉnh (tăng/giảm)	KHV sau điều chỉnh							
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*18*	*19*	*20*	*21*	
	TỔNG SỐ	**3**				**91.007**	**20.450**	**20.450**	**80.960**	**-59.596**	**21.364**		**60.510**	**-59.596**	**914**			
	Tổng điều chỉnh giảm	*3*				*91.007*	*20.450*	*20.450*	*80.960*	*-59.596*	*21.364*		*60.510*	*-59.596*	*914*			
	Tổng điều chỉnh tăng																	
A	**NGUỒN TẬP TRUNG CẤP THÀNH PHỐ**	**3**				**91.007**	**20.450**	**20.450**	**80.960**	**-59.596**	**21.364**		**60.510**	**-59.596**	**914**			
1	Dự án Xây dựng trụ sở VKSND huyện Phúc Thọ	1	Huyện Phúc Thọ (cũ)	2023-2025	396/QĐ-VKS-VP ngày 14/11/2023	23.648	6.000	6.000	21.860	-15.518	6.342		15.860	-15.518	342		Viện Kiểm sát Hà Nội	
2	Dự án Cải tạo, mở rộng trụ sở VKSND quận Đống Đa	1	Quận Đống Đa (cũ)	2023-2025	323/QĐ-VKS-VP ngày 10/10/2024 (QĐĐT)	31.543			29.500	-29.000	500		29.500	-29.000	500		Viện Kiểm sát Hà Nội	
3	Xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	1	Huyện Chương Mỹ (cũ)	2023-2025	943/QĐ-UBND 28/02/2018 (CTr); 29/NQ-HĐND 08/12/2022; 387/QĐ-SXD 19/6/2023	35.816	14.450	14.450	29.600	-15.078	14.522		15.150	-15.078	72		Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng TP HN	

Phụ lục 10
CẬP NHẬT ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH HỖ TRỢ CÁC ĐỊA PHƯƠNG TRONG NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 464/NQ-HĐND ngày 29/9/2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Dự án	Số DA	Nhóm DA		Địa điểm thực hiện		Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2025 đã giao	Điều chỉnh KHV năm 2025			Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh	Đơn vị nhận hỗ trợ trước sắp xếp	Đơn vị nhận hỗ trợ sau sắp xếp	Ghi chú
			B	C	Trước sắp xếp chính	Sau sắp xếp			Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Chi phí dự phòng		Tổng điều chỉnh	Trong đó: Tăng	Giảm				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*		*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*14*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
	TỔNG	**3**	**3**									**110.000**	**216.512**	**216.512**		**516.512**			
I	**Các địa phương đã được Thành phố hỗ trợ năm 2025**	**2**	**2**													**190.000**			
1	Bảo tồn tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử đường Hồ Chí Minh trên biển (giai đoạn 2)	1	1		Tỉnh Bến Tre	Tỉnh Vĩnh Long	2024-2027	Bảo tồn, tôn tạo khu vực Cồn Bửng, Vàm Khâu Băng với tổng diện tích sử dụng đất 104.245 m2	Quyết định số 2785/QĐ-UBND ngày 21/11/2024 của UBND tỉnh Bến Tre	110.000	8.793					90.000	Tỉnh Bến Tre	Tỉnh Vĩnh Long	Thông báo số 1348-TB/TU ngày 21/9/2023 của Thành ủy
2	Dự án Trường liên cấp tiểu học, Trung học cơ sở xã Si Pa Phìn, tỉnh Điện Biên	1	1		Tỉnh Điện Biên	Tỉnh Điện Biên	2025-2026	Đầu tư xây dựng trường Liên cấp tiểu học, Trung học cơ sở xã Si Pa Phìn nhằm duy trì ổn định sĩ số học sinh, tăng cường chuyên cần và hạn chế số học sinh bỏ học; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh dân tộc thiểu số, đồng thời phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, tạo nguồn cán bộ có chất lượng cao cho vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; góp phần quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và củng cố quốc phòng, an ninh trên địa bàn Tỉnh	Quyết định số 1552/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND tỉnh Điện Biên	220.000					100.000	Tỉnh Điện Biên	Tỉnh Điện Biên	Thông báo số 2369-TB/TU ngày 24/7/2025 của Thành ủy
II	**Đề xuất hỗ trợ tại kỳ họp tháng 9/2025**	**1**	**1**										**26.512**	**26.512**		**26.512**			
1	Tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị Khu di tích Nguyễn Sinh Sắc	1	1		Tỉnh Đồng Tháp	Tỉnh Đồng Tháp	2024-2026	Tu bổ vòm mộ Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc; tu bổ Đền thờ; xây dựng mới Nhà đón tiếp, phụ trợ; tu bổ hồ Sao, hồ Cây đa; tu bổ hệ thống sân trong khuôn viên mộ Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc; tu bổ khu vực tượng Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc; tu bổ Nhà trưng bày về cuộc đời, sự nghiệp Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc; tu bổ Nhà sàn Bác Hồ...	Quyết định số 838/QĐ-UBND.HC ngày 19/9/2024 của UBND tỉnh Đồng Tháp	145.107	5.876		26.512	26.512		26.512	Tỉnh Đồng Tháp	Tỉnh Đồng Tháp	Thông báo số 2148-TB/TU ngày 6/5/2025 của Thành ủy
III	**Dự nguồn hỗ trợ địa phương bạn**											**110.000**	**190.000**	**190.000**		**300.000**			Thực hiện Thông báo số 81-TB/TW ngày 18/7/2025 của Bộ Chính trị về chủ trương đầu tư xây dựng trường học tại các xã biên giới. Theo đó Thành phố dự kiến hỗ trợ 3 tỉnh Điện biên, Cao Bằng và Lai Châu để xây dựng 03 trường học tại các xã biên giới: Chủ trương hỗ trợ của Ban Thường vụ Thành uỷ tại các Thông báo: số 2436-TB/TU ngày 18/9/2025; số 1348-TB/TU ngày 21/9/2023 của Thành ủy; số 1944-TB/TU ngày 25/10/2024; số 2242-TB/TU ngày 6/6/2025 tại một số địa bàn